

Số: /UBND-TH

Bình Định, ngày tháng năm 2023

Về việc báo cáo tình hình
quản lý, sử dụng tài sản công
năm 2022

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Thực hiện Công văn số 11537/BTC-QLCS ngày 08/11/2022 của Bộ Tài chính về việc thực hiện cập nhật và chuẩn hóa dữ liệu trong Phần mềm Quản lý tài sản công phục vụ Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2022;

Trên cơ sở tổng hợp số liệu báo cáo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2022 tại địa phương, cụ thể như sau:

I. Tình hình ban hành và thực hiện các văn bản pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công tại địa phương

1. Hệ thống hóa các văn bản pháp luật hiện hành về quản lý, sử dụng tài sản công do địa phương ban hành theo thẩm quyền

- Nhằm tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại địa phương, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, cụ thể như sau:

+ Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh Bình Định quy định định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Danh mục tài sản cố định đặc thù và danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND tỉnh Bình Định quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND tỉnh Bình Định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 64/2019/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của UBND tỉnh Bình Định sửa đổi, bổ sung một số điều khoản tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh;

+ Quyết định số 64/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 87/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định phân cấp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 07/01/2021 của UBND tỉnh Bình Định bổ sung tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Bình Định phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản trang bị khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của UBND tỉnh Bình Định quy định việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

+ Quyết định 59/2021/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Bình Định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 64/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 67/2021/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh Bình Định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND tỉnh Bình Định quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh Bình Định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 63/2022/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của UBND tỉnh Bình Định bổ sung một số điều của Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND tỉnh Bình Định quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 73/2022/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND tỉnh Bình Định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 64/2020/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 của UBND tỉnh Bình Định sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Ngoài ra, hiện nay, UBND tỉnh đang chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai xây dựng một số văn bản pháp luật liên quan đến công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại địa phương, cụ thể như sau:

+ Sở Tài chính lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, đơn vị tham gia xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định với tiêu chuẩn, định mức cụ thể để trình UBND tỉnh xem xét, quyết định ban hành theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ;

+ Sở Tài chính đang hoàn thiện dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

+ Sở Y tế đang tiếp tục hoàn thiện dự thảo Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định;

+ Sở Giao thông vận tải đang tiếp tục rà soát để triển khai xây dựng phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

để trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phân cấp theo quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

2. Đánh giá tình hình thực hiện các văn bản pháp luật theo thẩm quyền về quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương

2.1. Tình hình thực hiện các văn bản pháp luật theo thẩm quyền về quản lý, sử dụng tài sản công

Trên cơ sở Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2018 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành các Quyết định quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng; Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng; Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng; Quyết định quy định danh mục tài sản được mua sắm theo phương thức tập trung;... góp phần đảm bảo việc quản lý, sử dụng tài sản công tại địa phương được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng.

2.2. Những vướng mắc, bất cập của các văn bản đã ban hành khi triển khai thực tế

a) Về sử dụng tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ:

Trong quá trình thẩm định đề án của đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết, địa phương lúng túng nội dung sau: Đối với đề nghị của một số đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, kinh doanh, liên doanh, liên kết để: làm quầy bán hàng tạp hóa trong các bệnh viện (bán các vật dụng thiết yếu cho bệnh nhân, người thân, người nhà bệnh nhân), lắp đặt máy ATM, trạm thu phát tín hiệu BTS, đặt tấm pin năng lượng mặt trời... là cần thiết, phù hợp với nhu cầu thực tế. Tuy nhiên, việc sử dụng tài sản công vào các mục đích nêu trên chưa được quy định rõ ràng, cụ thể tại Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn liên quan.

b) Về tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ:

Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, địa phương gặp phải một số khó khăn, vướng mắc:

- Tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư số 08/2019/TT-BYT quy định máy móc, thiết bị được coi là máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế khi đáp ứng điều kiện sau đây: *“Là các trang thiết bị y tế quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế và khoản 1 Điều 1 Nghị định số 169/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế”*. Tuy nhiên, Nghị định số 36/2016/NĐ-CP và Nghị định số 169/2018/NĐ-CP đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế nhưng đến nay Bộ Y tế chưa có Thông tư thay thế Thông tư số 08/2019/TT-BYT.

- Quá trình xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế gặp một số khó khăn như: Một chủng loại TTBYT có nhiều tên gọi khác nhau; một số máy móc, thiết bị sử dụng trong ngành y nhưng khó xác định có phải là TTBYT hay không.

- Hiện nay, giá tối đa bộ máy vi tính để bàn quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là 15 triệu đồng/bộ. Theo phản ánh của các cơ quan, đơn vị, mức giá tối đa bộ máy vi tính để bàn 15 triệu đồng/bộ là tương đối thấp so với mặt bằng chung giá bán các bộ máy vi tính để bàn đồng bộ thương hiệu Việt Nam có cấu hình (vi xử lý, bo mạch, bộ nhớ, ổ cứng...) tương đối mạnh trên thị trường để có thể phục vụ tốt công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết, xử lý công việc; do đó, gây khó khăn cho các cơ quan, đơn vị trong việc chọn lựa chủng loại máy vi tính để bàn có cấu hình tương đối mạnh để mua sắm đảm bảo phục vụ tốt công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết, xử lý công việc.

c) Về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo Nghị định số 152/2017/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ:

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 152/2017/NĐ-CP của Thủ tướng, địa phương gặp phải một số khó khăn, vướng mắc:

- Về tiêu chuẩn, định mức diện tích nhà làm việc, công trình sự nghiệp là diện tích tính theo kích thước thông thủy:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP, tiêu chuẩn, định mức diện tích nhà làm việc, công trình sự nghiệp thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp là diện tích tính theo kích thước thông thủy theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, địa phương không thể xác định văn bản pháp lý cụ thể nào quy định về diện tích tính theo kích thước thông thủy.

Trong khi đó, tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có quy định: *“Diện tích sàn xây dựng là diện tích sàn tính theo kích thước thông thủy (chưa tính đến diện tích hành lang, cầu thang, sảnh, ban công, chân tường, cột, hộp kỹ thuật)”*.

Theo đó, địa phương có thể hiểu diện tích tính theo kích thước thông thủy quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP là diện tích chưa tính đến diện tích hành lang, cầu thang, sảnh, ban công, chân tường, cột, hộp kỹ thuật theo như quy định khoản 5 Điều 2 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT có được hay không?

- Về diện tích các sảnh chính, sảnh phụ và hành lang, ban công thuộc diện tích sử dụng chung nhà làm việc:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP, diện tích các sảnh chính, sảnh phụ và hành lang, ban công là thuộc diện tích sử dụng chung nhà làm việc và thuộc trường hợp phải rà soát tiêu chuẩn, định mức. Như vậy, UBND tỉnh kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét nếu diện tích tính theo kích thước thông thủy là diện tích chưa tính đến diện tích hành lang, cầu thang, sảnh, ban công như quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT thì việc quy định tiêu chuẩn, định mức diện tích các sảnh, hành lang, ban công vào diện tích sử dụng chung của nhà làm việc là có phù hợp hay không?

- Về thẩm quyền quyết định đối với trường hợp có yêu cầu về diện tích sử dụng chung tăng từ 10% trở lên:

Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP, Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định đối với trường hợp có yêu cầu về diện tích sử dụng chung tăng từ 10% trở lên so với diện tích sử dụng chung quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP. Tuy nhiên, UBND tỉnh xét thấy quy định nêu trên sẽ cần nhiều thời gian để giải quyết cho từng hồ sơ cụ thể vì Thủ tướng Chính phủ phải xem xét, giải quyết cho tất cả các trường hợp trên cả nước. Còn nếu giao thẩm quyền quyết định cho từng Bộ, cơ quan trung ương và UBND cấp tỉnh sẽ rút ngắn được thời gian giải quyết và cơ quan được giao nhiệm vụ sẽ chủ động xem xét, quyết định đảm bảo phù hợp nhu cầu thực tế và thiết yếu của cơ quan, đơn vị.

- Về quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế:

Hiện nay, Bộ Y tế chưa ban hành quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế nên địa phương chưa có cơ sở để xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp đối với việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo các công trình sự nghiệp y tế.

d) Về báo cáo rà soát, sắp xếp lại xe ô tô chuyên dùng trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ:

Hiện nay, Sở Y tế Bình Định vẫn đang trong quá trình hoàn thiện dự thảo, chưa trình UBND tỉnh Bình Định ban hành tiêu chuẩn, định mức đối với xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế theo Thông tư số 7/2020/TT-BYT ngày 14/5/2020 của Bộ Y tế quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế (Sở Y tế Bình Định đã lấy ý kiến tham gia góp ý dự thảo lần 1 tại Công văn số 1378/SYT-KHTC ngày 22/4/2021, lấy ý kiến tham gia góp ý dự thảo lần 2 tại Công văn số 4871/SYT-KHTC ngày 30/11/2021). Đồng thời, thời gian qua địa phương gặp khó khăn, vướng mắc trong việc ban hành tiêu chuẩn, định mức đối với xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù quy định tại khoản 7 Điều 17 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ, nội dung này địa phương đã nhiều lần báo cáo Bộ Tài chính để Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá tối đa trước khi UBND tỉnh Bình Định ban hành quyết định cho địa phương (Văn bản số 7776/UBND-TH ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc đề nghị phê duyệt quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù; Văn bản số 394/UBND-TH ngày 20/01/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định; Văn bản số 766/UBND-TH ngày 17/02/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc đề xuất tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của tỉnh Bình Định); tuy nhiên hiện tại Thủ tướng Chính phủ vẫn chưa có ý kiến về nội dung này nên địa phương chưa thể ban hành tiêu chuẩn, định mức đối với xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù. Do đó, việc rà soát, sắp xếp lại xe ô tô chuyên dùng sẽ được địa phương triển khai thực hiện sau khi địa phương ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức đối với xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế và xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù.

2.3. Tác động của các văn bản đến quản lý, sử dụng tài sản công

Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đã tạo cơ sở pháp lý để quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm tài sản công; ngăn chặn, đẩy lùi thất thoát, lãng phí, tham nhũng và các hành vi khác xâm phạm tài sản công; khai thác, sử dụng tài sản công hợp lý, hiệu quả; chuẩn hóa công tác quản lý tài sản công.

II. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2022

Mẫu báo cáo, phạm vi báo cáo thực hiện theo Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính và được kết xuất từ Phần mềm Quản lý tài sản công hiện hành, gồm:

- Báo cáo tổng hợp hiện trạng sử dụng tài sản nhà nước theo Mẫu số 08a-ĐK/TSC bậc 1 gồm 3 phần: Phần 1. Tổng hợp chung; Phần 2. Chi tiết theo từng loại hình đơn vị và Phần 3. Chi tiết theo từng đơn vị.

- Báo cáo tổng hợp tình hình tăng, giảm tài sản nhà nước theo Mẫu số 08b-ĐK/TSC bậc 1 gồm 3 phần: Phần 1. Tổng hợp chung; Phần 2. Chi tiết theo từng loại hình đơn vị và Phần 3. Chi tiết theo từng đơn vị.

III. Kiến nghị

1. Về việc sử dụng tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Tài chính có hướng dẫn cụ thể về việc đơn vị sự nghiệp công lập xin sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, kinh doanh, liên doanh, liên kết để: làm quầy bán hàng tạp hóa trong các bệnh viện (bán các vật dụng thiết yếu cho bệnh nhân, người thân, người nhà bệnh nhân), lắp đặt máy ATM, trạm thu phát tín hiệu BTS, đặt tấm pin năng lượng mặt trời... Đồng thời, tổ chức tập huấn để hướng dẫn rõ hơn về việc lập, thẩm định, phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

2. Về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị

UBND tỉnh Bình Định kiến nghị Bộ Tài chính:

- Quan tâm, phối hợp đề nghị Bộ Y tế sớm ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 08/2019/TT-BYT để phù hợp, đồng bộ với các quy định hiện hành; ban hành Danh mục/Danh pháp TTBYT thống nhất về tên gọi trên phạm vi cả nước, danh mục này phải được cập nhật, bổ sung khi có thay đổi.

- Xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh tăng giá tối đa bộ máy vi tính để bàn để tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc chọn lựa chủng loại máy vi tính để bàn có cấu hình tương đối mạnh để mua sắm đảm bảo phục vụ tốt công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết, xử lý công việc.

3. Về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp

UBND tỉnh Bình Định kiến nghị Bộ Tài chính:

- Xem xét, trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 152/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:

+ Quy định cụ thể nội dung “diện tích tính theo kích thước thông thủy theo quy định của pháp luật” tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP;

+ Không quy định diện tích các sảnh chính, sảnh phụ và hành lang, ban công thuộc tiêu chuẩn, định mức diện tích sử dụng chung nhà làm việc;

+ Giao thẩm quyền xem xét, quyết định đối với trường hợp có yêu cầu về diện tích sử dụng chung tăng từ 10% trở lên so với diện tích sử dụng chung quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Quan tâm, phối hợp đề nghị Bộ Y tế sớm ban hành quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sớm ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích các phòng, khu chức năng phục vụ thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm của từng ngành, nghề đào tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

4. Phần mềm Quản lý tài sản công

Hiện nay, Bộ Tài chính chỉ cấp phép duy nhất 01 user cho Sở Tài chính Bình Định để quản lý, sử dụng Phần mềm Quản lý tài sản công. Trong khi đó, Phần mềm Quản lý tài sản công mới được nâng cấp theo dõi toàn bộ tài sản công gồm nhà, đất, xe ô tô, phương tiện khác, máy móc thiết bị, kể cả công cụ dụng cụ, tài sản xác lập sở hữu toàn dân, tài sản kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết,... của toàn tỉnh nên nếu không có sự phân cấp việc nhập, duyệt dữ liệu cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thì sẽ rất khó khăn, Sở Tài chính Bình Định không đủ nhân lực trong việc cập nhật dữ liệu tài sản công của toàn tỉnh. Do đó, UBND tỉnh kiến nghị Bộ Tài chính sớm có Thông tư quy định cụ thể việc phân cấp cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và có hướng dẫn triển khai thực hiện.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2022, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính (Cục Quản lý Công sản) tổng hợp, báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục QLCS;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K14, K15, K17.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tự Công Hoàng

BÁO CÁO TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG

Phần 1: Tổng hợp chung

Thời điểm báo cáo: 13/03/2023

Loại tài sản: Tất cả

Chi tiết bậc tài sản: 1

Cấp hành chính: Tất cả

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích đất là: Mét vuông; Diện tích nhà là: Mét vuông;

Tài sản	Số lượng	Diện tích	Hiện trạng sử dụng						
			Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1. Đất	2.677	11.953.852,78	1.342.531,27	9.431.830,35	455,00	89,00			1.178.947,16
2. Nhà	5.625	2.002.995,77	341.511,53	1.634.710,94	1.550,00	2.173,75	230,86	557,99	22.260,70
3. Ô tô	381		332,00	48,00	1,00				
4. Tài sản cố định khác	765		470,00	278,00	2,00				15,00
Tổng cộng	9.448								

Nguồn: Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công

, ngày tháng năm

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích đất là: Mét vuông; Diện tích nhà là: Mét vuông;

Tài sản	Số lượng	Diện tích	Hiện trạng sử dụng						
			Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

BÁO CÁO TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG

Phần 2: Chi tiết theo loại hình đơn vị

Thời điểm báo cáo: 13/03/2023

Loại tài sản: Tất cả

Chi tiết bậc tài sản: 1

Cấp hành chính: Tất cả

Loại hình đơn vị: Tất cả

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích đất là: Mét vuông; Diện tích nhà là: Mét vuông;

Tài sản	Số lượng	Diện tích	Hiện trạng sử dụng						
			Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I. Cơ quan nhà nước	3.052								
1. Đất	1.160	1.708.289,33	719.741,07	385.300,86		89,00			603.158,40
2. Nhà	1.522	361.208,47	248.719,91	100.543,57		1.221,00		557,99	10.166,00
3. Ô tô	113		111,00	2,00					
4. Tài sản cố định khác	257		245,00	12,00					
II. Đơn vị sự nghiệp	6.174								
1. Đất	1.465	10.091.980,59	540.644,10	9.035.429,49	455,00				515.452,00
2. Nhà	4.033	1.588.257,88	50.229,20	1.527.447,37	1.550,00	952,75	230,86		7.847,70

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích đất là: Mét vuông; Diện tích nhà là: Mét vuông;

Tài sản	Số lượng	Diện tích	Hiện trạng sử dụng						
			Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
3. Ô tô	230		183,00	46,00	1,00				
4. Tài sản cố định khác	446		164,00	266,00	2,00				14,00
III. Tổ chức	220								
1. Đất	52	153.582,86	82.146,10	11.100,00					60.336,76
2. Nhà	70	53.529,42	42.562,42	6.720,00					4.247,00
3. Ô tô	36		36,00						
4. Tài sản cố định khác	62		61,00						1,00
IV. Ban quản lý dự án	2								
1. Ô tô	2		2,00						
Tổng cộng	9.448								

Nguồn: Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công

, ngày tháng năm

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích đất là: Mét vuông; Diện tích nhà là: Mét vuông;

Tài sản	Số lượng	Diện tích	Hiện trạng sử dụng						
			Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

BÁO CÁO TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG

Phần 3: Chi tiết theo từng đơn vị

Thời điểm báo cáo: 13/03/2023

Loại tài sản: Tất cả

Chi tiết bậc tài sản: 1

Cấp hành chính: Tất cả

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích đất là: Mét vuông; Diện tích nhà là: Mét vuông;

Tài sản	Số lượng	Diện tích	Hiện trạng sử dụng						
			Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I. Tỉnh Bình Định	9.448								
1. Đất	2.677	11.953.852,78	1.342.531,27	9.431.830,35	455,00	89,00			1.178.947,16
2. Nhà	5.625	2.002.995,77	341.511,53	1.634.710,94	1.550,00	2.173,75	230,86	557,99	22.260,70
3. Ô tô	381		332,00	48,00	1,00				
4. Tài sản cố định khác	765		470,00	278,00	2,00				15,00
Tổng cộng	9.448								

Nguồn: Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công

, ngày tháng năm

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích đất là: Mét vuông; Diện tích nhà là: Mét vuông;

Tài sản	Số lượng	Diện tích	Hiện trạng sử dụng						
			Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÔNG

Phần 1: Tổng hợp chung

Kỳ báo cáo: Từ ngày 01/01/2022 Đến ngày 31/12/2022

Lý do tăng/giảm: Tất cả

Loại tài sản: Tất cả

Chi tiết bậc tài sản: 1

Cấp hành chính: Tất cả

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích đất - nhà là: Mét vuông; Giá trị là: Nghìn đồng.

Tài sản	Số đầu kỳ			Số tăng trong kỳ			Số giảm trong kỳ			Số cuối kỳ		
	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
Tổng cộng	9.285		24.036.348.645,24	237		858.405.214,21	72		145.774.843,69	9.450		24.748.979.015,76
1. Đất	2.676	12.317.149,72	18.588.360.668,56	10	5.704,40	534.393.695,03	9	368.996,61	119.499.793,89	2.677	11.953.857,51	19.003.254.569,70
2. Nhà	5.630	1.983.241,15	4.438.023.535,01	37	30.737,25	287.034.362,08	43	10.895,98	13.110.245,05	5.624	2.003.082,42	4.711.947.652,04
3. Ô tô	378		280.273.374,23	21		21.877.941,10	15			384		292.208.012,58
4. Tài sản cố định khác	601		729.691.067,44	169		15.099.216,01	5			765		741.568.781,45

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích đất - nhà là: Mét vuông; Giá trị là: Nghìn đồng.

Tài sản	Số đầu kỳ			Số tăng trong kỳ			Số giảm trong kỳ			Số cuối kỳ		
	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá

Nguồn: Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công

, ngày tháng năm

Bộ, ngành, tỉnh: Tỉnh Bình Định
Tên đơn vị: Tỉnh Bình Định
Mã đơn vị: T13

Mẫu số: 08b-ĐK/TSC

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÔNG

Phần 2: Chi tiết theo loại hình đơn vị

Kỳ báo cáo: Từ ngày 01/01/2022 Đến ngày 31/12/2022

Lý do tăng/giảm: Tất cả

Loại tài sản: Tất cả

Chi tiết bậc tài sản: 1

Cấp hành chính: Tất cả

Loại hình đơn vị: Tất cả

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích đất - nhà là: Mét vuông; Giá trị là: Nghìn đồng.

Tài sản	Số đầu kỳ			Số tăng trong kỳ			Số giảm trong kỳ			Số cuối kỳ		
	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
Tổng cộng	9.285		24.036.348.645,2 ₄	237		858.405.214,21	72		145.774.843,69	9.450		24.748.979.015,76
I. Cơ quan nhà nước	2.956	2.064.977,17	3.104.731.524,47	108	4.272,79	255.748.328,58	12	152,31	10.537.812,75	3.052	2.069.097,65	3.349.942.040,30
1. Đất	1.159	1.706.359,54	2.147.307.886,70	2	2.082,10	230.786.662,00	1	152,31	3.861.509,00	1.160	1.708.289,33	2.374.233.039,70
2. Nhà	1.517	358.617,63	825.111.144,32	4	2.190,69	16.248.349,08				1.521	360.808,32	841.359.493,40
3. Ô tô	117		92.447.255,65	5		6.677.863,00	8			114		94.336.616,90
4. Tài sản cố định khác	163		39.865.237,80	97		2.035.454,51	3			257		40.012.890,31
II. Đơn vị sự nghiệp	6.154	12.028.681,69	19.896.924.767,4 ₉	82	31.783,86	563.560.790,63	60	379.740,28	135.237.030,94	6.176	11.680.725,27	20.325.248.527,19

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích đất - nhà là: Mét vuông; Giá trị là: Nghìn đồng.

Tài sản	Số đầu kỳ			Số tăng trong kỳ			Số giảm trong kỳ			Số cuối kỳ		
	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
1. Đất	1.465	10.457.202,59	15.578.260.264,2 ₃	8	3.622,30	271.875.725,53	8	368.844,30	115.638.284,89	1.465	10.091.980,59	15.734.497.704,87
2. Nhà	4.043	1.571.479,10	3.473.628.866,22	33	28.161,56	265.210.157,00	43	10.895,98	13.110.245,05	4.033	1.588.744,68	3.725.728.778,17
3. Ô tô	224		155.515.042,41	15		14.354.312,10	7			232		164.714.553,51
4. Tài sản cố định khác	422		689.520.594,64	26		12.120.596,00	2			446		700.307.490,64
III. Tổ chức	173	206.732,01	1.032.929.303,28	47	485,00	39.096.095,00				220	207.217,01	1.072.025.398,28
1. Đất	52	153.587,59	862.792.517,64			31.731.307,50				52	153.587,59	894.523.825,14
2. Nhà	70	53.144,42	139.283.524,47		385,00	5.575.856,00				70	53.529,42	144.859.380,47
3. Ô tô	35		30.548.026,17	1		845.766,00				36		31.393.792,17
4. Tài sản cố định khác	16		305.235,00	46		943.165,50				62		1.248.400,50
IV. Ban quản lý dự án	2		1.763.050,00							2		1.763.050,00
1. Ô tô	2		1.763.050,00							2		1.763.050,00

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích đất - nhà là: Mét vuông; Giá trị là: Nghìn đồng.

Tài sản	Số đầu kỳ			Số tăng trong kỳ			Số giảm trong kỳ			Số cuối kỳ		
	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá

Nguồn: Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công

, ngày tháng năm

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÔNG

Phần 3: Chi tiết theo từng đơn vị

Kỳ báo cáo: Từ ngày 01/01/2022 Đến ngày 31/12/2022

Lý do tăng/giảm: Tất cả

Loại tài sản: Tất cả

Chi tiết bậc tài sản: 1

Cấp hành chính: Tất cả

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích đất - nhà là: Mét vuông; Giá trị là: Nghìn đồng.

Tài sản	Số đầu kỳ			Số tăng trong kỳ			Số giảm trong kỳ			Số cuối kỳ		
	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
Tổng cộng	9.285		24.036.348.645,24	237		858.405.214,21	72		145.774.843,69	9.450		24.748.979.015,76
I. Tỉnh Bình Định	9.285	14.300.390,87	24.036.348.645,24	237	36.541,65	858.405.214,21	72	379.892,59	145.774.843,69	9.450	13.957.039,93	24.748.979.015,76
1. Đất	2.676	12.317.149,72	18.588.360.668,56	10	5.704,40	534.393.695,03	9	368.996,61	119.499.793,89	2.677	11.953.857,51	19.003.254.569,70
2. Nhà	5.630	1.983.241,15	4.438.023.535,01	37	30.737,25	287.034.362,08	43	10.895,98	13.110.245,05	5.624	2.003.082,42	4.711.947.652,04
3. Ô tô	378		280.273.374,23	21		21.877.941,10	15			384		292.208.012,58
4. Tài sản cố định khác	601		729.691.067,44	169		15.099.216,01	5			765		741.568.781,45

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích đất - nhà là: Mét vuông; Giá trị là: Nghìn đồng.

Tài sản	Số đầu kỳ			Số tăng trong kỳ			Số giảm trong kỳ			Số cuối kỳ		
	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá

Nguồn: Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công

, ngày tháng năm